

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HOÁ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2018.

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi
con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Toàn.

Bà Đoàn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Khối 4, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Phi H2, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Khối 4, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày: Chị Mai Thị H và anh Trần Phi H2 tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nên từ tháng 3 năm 2018, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân cho đến nay. Thấy hôn nhân không thể kéo dài nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Phi H2.

Về con chung: Chị H và anh H2 có 03 con chung: Trần Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2008, Trần Thị Bảo T, sinh ngày 21/01/2011 và Trần Quốc A, sinh ngày 05/02/2014. Tại phiên tòa chị H thay đổi yêu cầu nuôi con với lý do hiện nay hai cháu Trần Thị Như Q và Trần Thị Bảo T đang do anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Cho nên, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trần Quốc A, sinh ngày 05/02/2014. Giao cho anh H2 trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2008, Trần Thị Bảo T, sinh ngày 21/01/2011, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng/2con.

Về tài sản chung: Chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 bị đơn anh Trần Phi H2 có đơn trình bày ý kiến về Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H; về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thì hiện nay anh làm nghề lái xe thuê thu nhập bình quân 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H anh không thể đáp ứng được.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh Trần Phi H2 vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tổ tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể, Thẩm phán đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tại phiên tòa, xét thấy: Về tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được. Chị H đã đưa cháu Trần Quốc A về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3/2018 đến nay. Về con chung: Hiện hai cháu Trần Thị Như Q và Trần Thị Bảo T sinh sống ổn định cùng anh H2 và hai cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố nên chị H có nguyện vọng nuôi cháu Trần Quốc A và chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD; khoản 4 Điều 174 BLTTDS và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Mai Thị H ly hôn anh Trần Phi H2

Về con chung: Giao hai cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2008 và cháu Trần Thị Bảo T, sinh ngày 21/01/2011 cho anh Trần Phi H2 chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Mai Thị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Quốc A, sinh ngày 05/02/2014. Chị H cấp dưỡng hai cháu Quỳnh và Trâm mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị H giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con Trần Thị Như Q, Trần Thị Bảo T, Trần Quốc A (bản sao), hộ khẩu (bản sao); giấy chứng minh nhân dân tên Mai Thị H. Bị đơn anh Trần Phi H2 không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Phi H2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Trần Phi H2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Mai Thị H và anh Trần Phi H2 tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/8/2018 về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H2 thì chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Trần Phi H2.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H2 có 03 con chung tên Trần Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2008, Trần Thị Bảo T, sinh ngày 21/01/2011 và cháu Trần Quốc A, sinh ngày 05/02/2014. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/8/2018 của Tòa án cũng như lời trình bày của chị Mai Thị H thì các cháu Trần Thị Như Q và Trần Thị Bảo T hiện đang do anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng và các cháu đều nguyện vọng được ở với anh Trần Phi H2; cháu Trần Quốc A hiện đang sinh sống với chị H. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của chị H cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát giao các cháu Quỳnh và Trâm cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Quốc A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề về cấp dưỡng nuôi con: Cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng đối với hai cháu Quỳnh và Trâm. Chị Mai Thị H không yêu cầu anh Trần Phi H2 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Mai Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Trần Phi H2.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2008 và cháu Trần Thị Bảo T, sinh ngày 21/01/2011 cho anh Trần Phi H2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Giao cháu Trần Quốc A, sinh ngày 05/02/2014 cho chị Mai Thị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi thành niên. Chị Mai Thị H cấp dưỡng nuôi con Trần Thị Như Q và Trần Thị Bảo T 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2018 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Trần Phi H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007129 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hoá. Chị Mai Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Chị Mai Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Phi H2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa.
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND thị trấn K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung